TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 38, 18/09 – 22/09/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Xu hướng giảm ngắn hạn"

Tiêu điểm nổi bật:

- Trong cuộc họp ngày 20/09, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ quyết định giữ nguyên mức lãi suất trong khoảng 5.25%- 5.5%, đồng thời báo hiệu lãi suất có thể tăng thêm một đợt trước khi kết thúc năm 2023.
- Ngày 21/9, Ngân hàng Nhà nước đã hút gần 10,000 tỷ đồng ra khỏi hệ thống thông qua kênh tín phiếu.
- Kỳ 1 tháng 9/2023 (1/9-15/9), xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam ghi nhận tăng trưởng 11.8% so với cùng kỳ năm trước. Đây là kỳ tăng trưởng dương đầu tiên sau 13 kỳ giảm liên tiếp liền kề trước đó.
- Trong chuyến công tác, Thủ tướng đề nghị Sàn Chứng khoán New York thông tin tới các nhà đầu tư về môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi tại Việt Nam và khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư tại Việt Nam.
- Giá dầu thô WTI kỳ hạn tăng trên 90 USD/thùng vào thứ Sáu trong bối cảnh lo ngại rằng lệnh cấm xuất khẩu nhiên liệu của Nga có thể thắt chặt nguồn cung dầu toàn cầu hơn nữa.

Đánh giá: Sau cuộc họp về chính sách lãi suất của Fed, thị trường Việt Nam đã rơi vào xu hướng điều chỉnh chung với thị trường toàn cầu. Trước tình hình trên, chúng tôi cho rằng thị trường sẽ tiếp tục điều chỉnh giảm theo xu hướng chung của thế giới. Tuy nhiên sẽ xuất hiện vài điểm sáng cho những cổ phiếu thuộc nhóm ngành xuất khẩu và nhóm ngành bất động sản khu công nghiệp nhờ những tin tức tích cực trong tuần vừa qua.

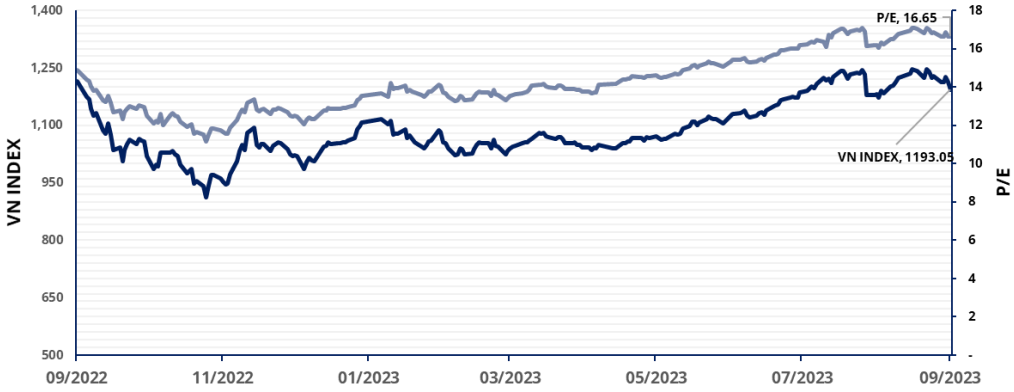
Góc nhìn kĩ thuật: Trong tuần này, VNINDEX đóng cửa kết tuần tại 1,193 (-34 điểm, -2.80%), thanh khoản ở mức trung bình 20 tuần. Lực cầu dần xuất hiện ở vùng 1,180 góp phần kéo thị trường đóng cửa tại 1,193 cho thấy xu hướng tăng dài của thị trường có thể tiếp tục được duy trì.

Ý tưởng đầu tư: Trong xu hướng giảm, những cổ phiếu khỏe sẽ vững vàng hơn so với mặt bằng chung của thị trường. Chúng tôi đánh giá ngành bất động sản khu công nghiệp và các ngành liên quan đến xuất khẩu là những ngành tiềm năng, sẵn sàng đón đầu khi thị trường hồi phục.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,193	-2.8	1.1	6.0	18.5		16.7	1.8	199
Upcom Index	91	-3.2	1.4	6.1	26.7		12.6	1.3	46
HNX Index	243	-3.8	1.5	4.8	18.4		27.6	1.4	13
VN30 Index	1,198	-3.3	0.4	7.2	19.2		13.5	1.8	142
S&P 500 Index	4,330	-2.7	-1.3	-1.2	12.8		21.2	4.1	37,823
STOXX Europe 600 Index	453	-2.0	0.2	-0.4	6.5		12.8	1.8	12,982
Hang Seng	18,057	-0.7	1.5	-6.0	-8.7		10.0	0.9	2,599
Nikkei 225	32,402	-3.4	1.7	-2.6	24.2		25.9	1.9	4,102
SHCOMP Index	3,132	0.5	0.4	-2.0	1.4		13.8	1.3	6,317
STI Index	3,204	-2.3	1.4	-0.6	-1.4		11.3	1.1	364
KOSPI Index	2,508	-3.6	-0.3	-3.3	12.2		17.8	0.9	1,444

Nguồn: Bloomberg

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

[Chuyên viên phân tích] Lê Đức Tiến
(84-28) 6299 4232
tien.ld@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-3.0	0.8	17.8	-11.8	-1.3	14.3	74.8	-0.2	13.4	1.8	4,153,364
Mid Cap	-0.7	5.8	30.5	-10.4	9.3	10.3	23.7	0.3	25.4	1.3	552,964
Small Cap	-1.4	1.3	19.9	-20.2	-9.8	-19.4	1.5	-0.2	131.8	0.8	69,695

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.9	5.5	4.0	-4.8	2.8	-16.3	0.8	0.1	6.9	1.1	53,886
Dược và Y tế	0.0	2.9	23.9	-20.9	-18.7	-41.2	0.1	0.0	14.3	1.0	37,763
Hóa chất	-0.4	14.5	41.2	-8.5	2.5	9.5	4.5	0.2	13.8	1.1	184,797
Tài nguyên cơ bản	-0.8	5.3	50.0	-6.4	16.4	23.7	8.6	0.5	n.a	1.1	210,128
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-0.8	7.2	28.0	-12.1	18.4	33.6	6.1	0.0	12.3	1.1	132,499
Công nghệ Thông tin	-1.0	10.1	42.7	10.8	26.1	93.8	1.6	0.3	22.5	1.1	137,494
Tiện ích	-1.2	4.2	11.5	-17.7	-5.1	-14.3	1.2	-0.1	13.7	1.0	339,650
Ô tô & Phụ tùng	-1.4	1.4	7.1	-5.1	-0.3	-9.9	0.3	0.0	15.0	1.0	14,330
Truyền thông	-2.0	47.2	90.4	-59.1	-59.3	-75.3	0.0	0.0	27.2	1.5	1,678
Du lịch và Giải trí	-2.4	-0.9	-10.3	-16.1	-9.0	-20.5	0.6	0.0	n.a	1.0	91,156
Ngân hàng	-2.5	2.0	25.5	-2.6	11.8	11.7	16.9	1.6	9.2	1.0	1,707,270
Bảo hiểm	-2.7	-3.6	-2.4	-0.8	-0.2	-28.7	0.2	0.0	15.9	1.0	44,367
Thực phẩm và đồ uống	-3.0	3.8	-3.0	-9.8	-3.2	-10.6	6.0	0.1	28.1	1.0	479,896
Xây dựng và vật liệu	-3.2	5.8	41.6	-11.4	4.3	14.3	7.9	0.0	62.8	1.1	123,754
Dầu khí	-3.4	4.3	27.3	-21.4	7.5	-7.2	0.8	-0.1	6.9	1.0	63,891
Bất động sản	-4.5	-9.6	7.2	-27.9	-19.2	-2.1	22.9	-5.2	12.6	0.9	806,199
Tài chính	-4.9	11.2	90.8	2.3	10.5	43.5	18.2	2.5	36.5	1.1	179,141
Bán lẻ	-5.0	6.0	26.8	-7.2	5.5	21.7	3.4	0.2	47.0	1.1	105,555

Nguồn: ICB cấp 2 – Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,797**	**-3.4**	**-110.2**	**-184.7**	**47.3**
Nước ngoài	**2,668**	**0.0**	**-82.5**	**-118.5**	**113.6**
VanEck Vectors Vietnam ETF	624	0.0	0.0	19.6	92.5
Fubon FTSE Vietnam ETF	830	1.1	-49.0	-89.5	-18.6
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	623	-5.4	-29.5	-59.1	8.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	379	0.0	-1.8	-4.2	58.9
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	180	4.3	-1.4	17.2	-26.5
Premia MSCI Vietnam ETF	17	0.0	0.0	-0.9	-0.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	-0.8	-1.7	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,129**	**-3.4**	**-27.7**	**-66.2**	**-66.4**
DCVFMVN Diamond ETF	579	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	327	-1.9	-17.1	-51.5	-52.8
SSIAM VNFIN LEAD ETF	183	-1.5	-10.4	-14.8	-13.5
MAFN VN30 ETF	26	0.0	-0.2	-0.4	-0.7
SSIAM VNX50 ETF	7	0.0	0.0	0.1	-0.4
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	4	0.0	0.1	0.4	1.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	6,252	-41,410	6,779
Ấn độ	-459	-1,148	4,717	15,883
Indonesia	90	-100	-1,237	-147
Nhật Bản*	-10,713	-12,856	-15,831	31,054
Maylaysia	92	127	472	-458
Philippines	-46	-287	-84	-552
Hàn Quốc	-799	-1,394	-1,336	6,609
Sri Lanka	-1	-5	8	10
Đài Loan	-3,137	-4,090	-11,633	-385
Thái Lan	-148	-495	-1,300	-4,407
Việt Nam	-57	-173	-262	-294

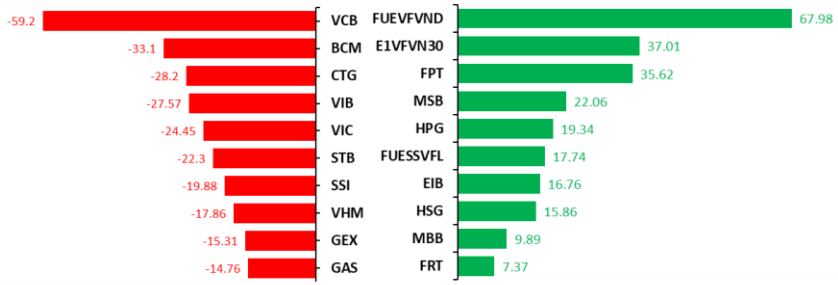
*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

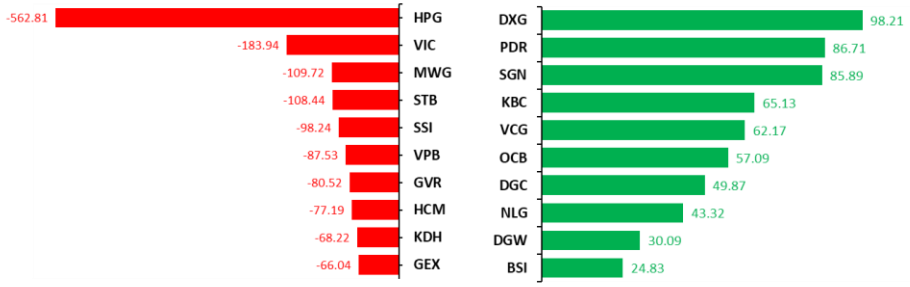
Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-95	-73	187	-115
Tài nguyên Cơ bản	34	-577	441	136
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-21	8	55	-64
Y tế	0	7	-6	-1
Hóa chất	-7	-39	57	-18
Dịch vụ tài chính	90	-212	129	82
Du lịch và Giải trí	-4	-4	-175	178
Ngân hàng	-124	-341	265	75
Xây dựng và Vật liệu	8	13	13	-27
Thực phẩm và đồ uống	2	-130	196	-66
Bán lẻ	8	-70	84	-14
Điện, nước & xăng dầu khí đố	-17	-26	45	-19
Hàng cá nhân & Gia dụng	2	-20	7	14
Công nghệ Thông tin	36	-6	4	2
Ô tô và phụ tùng	2	8	-21	13
Bảo hiểm	0	-5	0	5
Dầu khí	-5	11	4	-16
Tổng	-93	-1,454	1,286	168

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX *

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	ST8	Công nghệ Thông tin	6.73 - 31.50	19.0	-13.44%
2	FCN	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.79 - 19.70	16.5	-13.42%
3	EVG	Xây dựng và Vật liệu	3.05 - 8.40	6.1	-13.07%
4	TDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.59 - 5.55	4.6	-10.61%
5	QCG	Sản xuất nông nghiệp	3.10 - 15.95	12.6	-10.00%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
20.28%	13.1	6.39 - 14.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TCO
18.68%	10.1	3.81 - 10.10	Tài nguyên Cơ bản	TLH
16.06%	44.8	22.15 - 44.80	Hóa chất	CSV
15.77%	9.3	6.50 - 11.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	NO1
15.29%	44.8	15.00 - 46.15	Thực phẩm và đồ uống	ANV

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	L61	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.30 - 7.40	5.3	-26.39%
2	HCC	Xây dựng và Vật liệu	8.10 - 13.20	10.2	-20.31%
3	NDX	Xây dựng và Vật liệu	4.50 - 8.50	6.4	-20.00%
4	TKG	Tài nguyên Cơ bản	9.90 - 16.50	9.9	-18.85%
5	SSM	Tài nguyên Cơ bản	2.90 - 8.90	6.5	-18.75%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
21.21%	4.0	1.80 - 4.90	Tài nguyên Cơ bản	SPI
16.85%	20.8	9.00 - 25.50	Xây dựng và Vật liệu	KDM
16.26%	14.3	7.70 - 14.80	Truyền thông	EBS
14.29%	24.0	18.30 - 26.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	PJC
14.29%	16.0	4.20 - 16.00	Y tế	LDP

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	MTL	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.50 - 8.30	5.1	-32.89%
2	VNY	Hóa chất	3.60 - 7.00	4.4	-32.31%
3	IDP	Thực phẩm và đồ uống	75.20 - 320.00	180.0	-30.23%
4	VNZ	Truyền thông	336.00 - 1,562.50	835.0	-27.45%
5	SEP	Hóa chất	11.90 - 31.80	21.3	-27.30%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
63.16%	15.5	5.80 - 18.80	Bất động sản	LSG
50.00%	9.9	4.50 - 13.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	CCT
42.47%	10.4	2.10 - 11.00	Bán lẻ	CEN
36.05%	20.0	12.60 - 26.70	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	LAW
34.88%	5.8	2.50 - 8.50	Xây dựng và Vật liệu	SJM

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cố phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	NSC	Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Thực phẩm và đồ uống	270.9	232.4	73.0	63.40 - 83.70	-2.4
2	CTR	Công trình Viettel	Xây dựng và Vật liệu	70,547.7	198.5	75.8	35.10 - 85.60	-3.1
3	TLH	Thép Tiến Lên	Tài nguyên Cơ bản	21,856.8	171.2	10.1	3.81 - 10.10	18.7
4	ANV	Thủy sản Nam Việt	Thực phẩm và đồ uống	101,259.3	122.6	41.1	15.00 - 46.15	15.3
5	IDI	Đầu tư và PT Đa Quốc Gia	Thực phẩm và đồ uống	88,570.3	92.9	15.4	7.07 - 21.40	10.8
6	TDM	Nước Thủ Dầu Một	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6,821.6	72.0	40.0	25.15 - 42.80	1.7
7	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	Tài nguyên Cơ bản	29,897.7	68.9	60.2	33.50 - 60.20	6.0
8	CMX	CAMIMEX Group	Thực phẩm và đồ uống	16,747.5	66.9	11.7	4.91 - 13.60	8.8
9	FCN	FECON CORP	Xây dựng và Vật liệu	115,446.4	63.5	16.5	5.79 - 19.70	-13.4
10	APG	Chứng khoán APG	Dịch vụ tài chính	38,921.1	61.8	10.9	2.40 - 12.50	-8.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

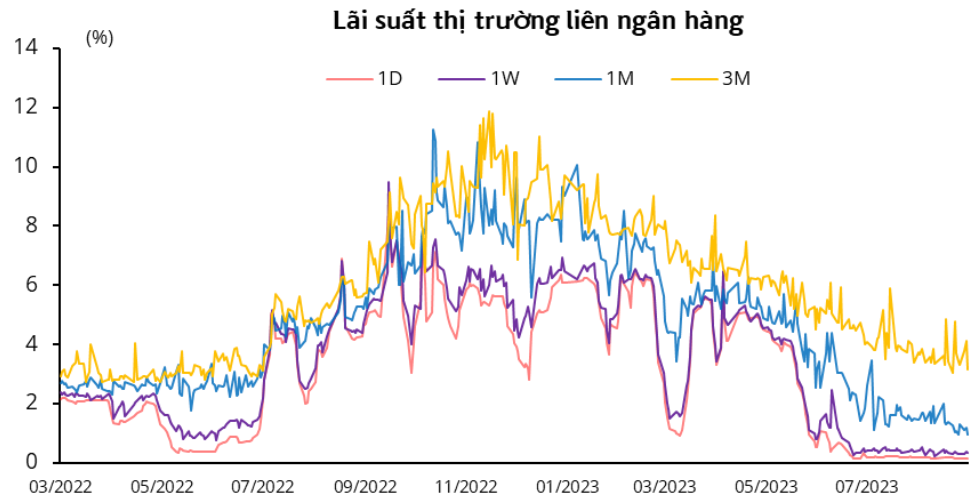
Tỷ giá

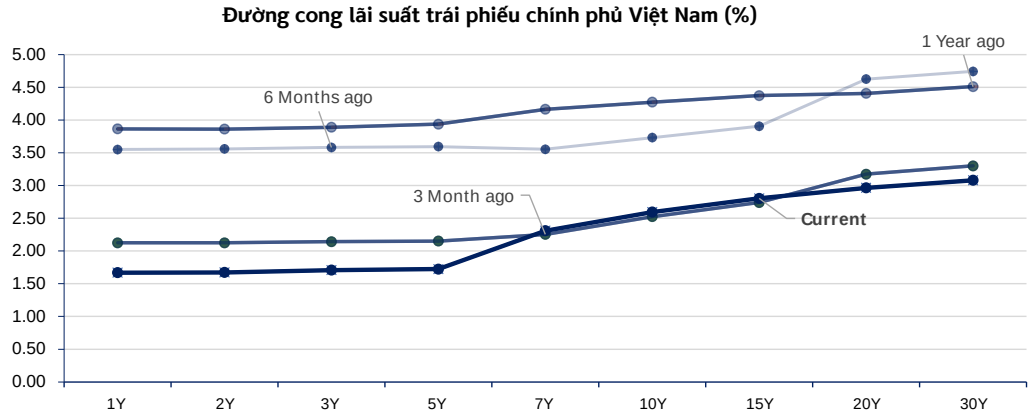
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	105.60	0.26	1.97	3.14	2.01	
VND/USD	24,348	0.41	1.70	3.52	3.03	
KRW/USD	1,336.75	0.81	0.09	3.24	5.63	
JPY/USD	148.30	0.30	1.65	3.63	13.10	
EUR/USD	0.94	0.14	1.91	2.94	0.59	
SGD/USD	1.37	0.15	0.58	1.54	1.96	
CNY/USD	7.30	0.34	0.09	1.69	5.83	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	89.93	-0.93	11.92	29.38	12.05	
Xăng	261.93	-3.28	-6.09	2.71	6.50	
Gas	2.63	-0.45	2.81	0.92	-41.18	
Than	160.50	0.22	7.54	29.28	-60.29	
Vàng	1,926.47	0.13	1.53	0.65	5.62	
Bạc	23.70	2.88	1.25	6.54	-1.07	
Platinum	933.86	0.45	0.95	0.93	-13.07	
Quặng sắt	121.69	0.94	14.28	7.83	9.35	
Thép cán	3,936.00	0.23	0.56	1.63	-5.09	
Lúa mì	575.00	-4.84	-4.45	-22.19	-27.40	
Ngô	475.25	-0.21	1.88	-28.05	-29.96	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam





TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.67	1.67	1.71	1.73	2.31	2.60	2.81	2.74	3.91
Thay đổi (BPS)*	0.00	0.00	0.20	-3.30	2.00	0.80	2.20	1.60	1.40

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.